

LIVELIHOODS OF PEOPLE LIVING IN HYDROELECTRIC LAKEBED AT A RESETTLEMENT AREA IN LAI CHAU AND AN EXPERIENCED LESSON FOR THANH HOA PEOPLE

Le Thi Thuy Ly

Institute of Cultural Studies (Vietnam Academy of Social Sciences)

Email: lenthithuyly@gmail.com

Received: 08/8/2022

Reviewed: 15/9/2022

Revised: 26/9/2022

Accepted: 25/10/2022

Released: 30/10/2022

The policy of the Vietnamese state in economic development in the agricultural aspect is influenced by the Green Revolution which absoluteizes the role of science and technology (in order to build up industrialization-oriented agricultural production establishments. The above agricultural development has achieved some remarkable achievements, but it also causes certain negative consequences for people's livelihoods. These consequences are shown very clearly for farmers in the resettlement area when they are separated from their familiar living environment. Thus, a case study of people living in hydroelectric lakebed at a resettlement area in Lai Chau has been done for this.

Key words: Modernization; Sustainable livelihoods; Resettlement...

1. Giới thiệu

Bên cạnh mặt tích cực, việc phát triển nông nghiệp theo hướng Cách mạng xanh - vốn tuyệt đối hóa vai trò của khoa học và công nghệ đã gây ra một số hệ quả tiêu cực nhất định đối với sinh kế của người dân. Có thể thấy rõ tình trạng này ở những người nông dân của vùng tái định cư khi họ bị tách khỏi môi trường sống quen thuộc. Những người dân vùng lòng hồ thủy điện tại một khu tái định cư ở Lai Châu mà chúng tôi khảo sát là một trường hợp. Sinh kế của họ không còn thực sự được định đoạt bởi chính họ nữa, khi những tri thức bản địa truyền thống liên quan không được quan tâm đúng mức. Những nguyện vọng của họ về vấn đề vừa nêu cần được quan tâm hơn, và điều này cũng có ý nghĩa tham khảo cho các địa phương khác, trong đó có Thanh Hóa - một tỉnh lớn, đa sắc tộc, có tốc độ phát triển kinh tế ở mức cao của miền Trung.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Những chuyển đổi kinh tế - xã hội là mối quan tâm chủ đạo trong các nghiên cứu về vùng dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn từ sau thời điểm bắt đầu Đổi mới đến nay (Donovan và cộng sự 1997, Le và Rambo 2001, Bonnin 2011, Hoàng Cẩm và Phạm Quỳnh Phương 2012,

Bùi Văn Đạo 2020, Lâm Minh Châu 2022...). Trong đó, những vấn đề liên quan đến sinh kế nói chung và nông nghiệp nói riêng là những vấn đề được chú ý.

Như ta biết, về cơ bản, các chính sách của nhà nước Việt Nam trong phát triển kinh tế trên phương diện nông nghiệp mang màu sắc của cuộc Cách mạng xanh vốn phổ biến ở một số quốc gia trên thế giới - bao gồm các quốc gia Đông Nam Á - cách đây trên dưới nửa thế kỷ. Những người chủ trương tiến hành Cách mạng xanh cho rằng khoa học và công nghệ là giải pháp duy nhất để xóa bỏ sự nghèo đói và bất bình đẳng ở các nước đang phát triển. Mục đích của cuộc cách mạng này là xây dựng các cơ sở sản xuất nông nghiệp lớn theo hướng công nghiệp hóa nhằm xuất khẩu sản phẩm ra thị trường thế giới (Gupta 1998).

Việc phát triển nông nghiệp theo hướng trên đã đem lại một số chuyển biến có ý nghĩa, nhưng bên cạnh đó cũng gây rất nhiều hệ quả tiêu cực, dẫn đến sự phản ứng của người dân.

Đầu tiên cần phải nói rằng, việc hiện đại hóa nông nghiệp tác động xấu đến hệ sinh thái và làm suy thoái nguồn tư liệu sản xuất. Việc phá rừng (khai hoang) để tăng diện tích đất trồng trọt hoa màu/cây công nghiệp; việc lạm dụng giống mới, phân hóa học, thuốc trừ sâu, thiết bị sản xuất hiện đại... trên thực tế đã dẫn đến sự ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Nếu theo tiêu chí phát triển bền vững là *sự phát triển thỏa mãn được nguyện vọng cơ bản hiện tại mà không ảnh hưởng đến sự sinh tồn của các thế hệ sau* (Báo cáo của Hội đồng Brundtland của Liên hiệp quốc năm 1987), thì lợi ích của cuộc cách mạng xanh chỉ là lợi ích mang tính nhất thời. Một trong những hệ quả đầu tiên của sự suy thoái môi trường chính là sự suy thoái đất đai và nguồn nước. Mặt khác, việc hiện đại hóa nông nghiệp đã vô hiệu hóa các loại tri thức và các thực hành về đa dạng sinh học truyền thống, khiến người dân tộc thiểu số trở nên bị động trong hoạt động sản xuất, mặc dù trong quá khứ, những tri thức và các thực hành này đã đem lại cho họ những “mùa vụ ổn định và chắc chắn nhất trong các điều kiện tự nhiên khác nhau” (Scott 1976: 2 - 3).

Bên cạnh đó, việc hiện đại hóa nông nghiệp còn khiến cho người nông dân trở nên phụ thuộc vào hệ thống kinh tế bên ngoài. Sự khó khăn trong việc kiểm soát đầu vào (giống má, thuốc trừ sâu, thiết bị kỹ thuật...) cũng như đầu ra (nơi tiêu thụ) của sản phẩm nông nghiệp đã gây nhiều bất lợi cho người nông dân. Nếu trước đây, họ làm chủ được việc sản xuất thì bây giờ, không nhiều người có thể mô tả về mình như thế. Quả thực, sau khi trừ các khoản chi cho “đầu vào”, thường thì số tiền thu về của họ là không đáng kể, thậm chí có lúc còn bị lỗ. Có thể nói, một bộ phận lớn nông dân của nhiều cộng đồng trên khắp thế giới đã thực sự trở thành “nạn nhân của sự tiến bộ”, như tên một công trình nổi tiếng của Bodley (2008).

Sau nữa, việc hiện đại hóa nông nghiệp làm cho sự phân hóa xã hội giữa những người có điều kiện và không có điều kiện gia tăng (Escobar 1995). Những người có điều kiện nắm lợi thế cả ở phương diện đầu vào và đầu ra của sản phẩm nên dễ thành công, còn người nghèo thì hiển nhiên sẽ gặp phải nhiều thử thách hơn. Không ít người nghèo, do lâm vào cảnh nợ nần túng thiếu, đã phải bán ruộng đất cho những người khá giả và trở thành người làm thuê. Ngoài ra, việc hàng hóa hóa nền kinh tế thay thế cho đạo lý tự cấp tự túc vốn được đặc trưng bằng một sự dàn xếp xã hội còn khiến người nghèo bị bản cứng hóa hơn nữa (Hoàng Cẩm và Phạm Quỳnh Phương 2012). Trước đây, sự dàn xếp xã hội này - tức cùng làm cùng hưởng, cùng sử

dụng nguồn tài nguyên chung và giúp đỡ lẫn nhau - từng giúp người dân sinh tồn được trong hoàn cảnh vốn khó khăn của họ. Geertz đánh giá rằng nó đã lưu giữ được tính đồng nhất về kinh tế và xã hội ở mức độ tương đối cao bằng việc phân phối đều các lợi ích, một quá trình được xác định là “chia miếng bánh kinh tế thành những miếng nhỏ” (1963: 97). Tuy nhiên, khi nền nông nghiệp được hiện đại hóa, người nông dân không còn có “tấm lưới an toàn” nào để che chở cho mình nữa. Họ đã và đang bị phơi trần ra trước những thử thách rất khắc nghiệt của cơ chế thị trường.

Đặc biệt, sự thâm nhập của các lực lượng bên ngoài đã dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương của người nông dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Như ta biết, việc “định canh định cư” được thực hiện trên diện rộng ở miền Bắc sau năm 1968 và ở miền Nam sau năm 1975 với con số hướng tới là 03 triệu người (Le 1995), tuy nhiên con số thực tế còn lớn hơn. Thậm chí, việc chuyển cư còn gia tăng sau Đổi mới do chính sách hộ khẩu và điều kiện giao thông trở nên thuận lợi (Hardy 2003). Sự biến động dân số đã thực sự diễn ra mạnh mẽ trong nhiều thập niên (Lê Ngọc Thanh và Lê Văn Hương 2016) và hiện nay, hầu như không có một địa bàn nào ở vùng dân tộc thiểu số không có người Kinh. Nhưng điều đáng nói không phải là người dân tộc thiểu số trở thành “thiểu số” ở nhiều địa bàn, mà là họ có nguy cơ hoặc thực sự đã bị ngoài lề hóa trước các cơ hội kinh tế do những lực lượng bên ngoài chiếm dụng (Hoàng Cẩm và Phạm Quỳnh Phương 2012). Biết tính toán làm ăn, nhiều khi dùng cả sự khôn khéo nữa, các hộ gia đình người Kinh sau một thời gian nhập cư thường sớm ổn định và có tích lũy (Hoàng Cẩm và Nguyễn Thị Phương Châm 2013), và tiếp đó, thế mạnh tài chính sẽ đem đến cho họ nhiều lợi ích. Thậm chí, ngay cả với những công việc lao động phổ thông, người Kinh vẫn ghi điểm hơn người dân tộc thiểu số - người tuyển dụng thường chọn họ do có “bằng tốt nghiệp trung học phổ thông” và được xem là có “kỹ luật làm việc hiện đại” (Trương Huyền Chi 2010: 377 - 378), chưa kể đến việc không có sự bất đồng về mặt ngôn ngữ.

Và cuối cùng, sự chuyển đổi mục đích sử dụng và việc quản lý, khai thác rừng khiến người dân phải hướng tới những công việc khác không gắn với nông nghiệp dù có thể họ chưa có sự chuẩn bị đầy đủ. Sự nghèo đói của họ, do vậy, có một nguyên nhân là sự thiệt thòi trong việc tiếp cận các nguồn tài nguyên (Peluso 1992, Sikor và Hoang Cam 2016). Nhiều người phải trở thành những người lao động tự do không có kỹ năng (Escobar 1995).

Tóm lại, sự suy thoái của nguồn tư liệu sản xuất, sự vô hiệu hóa tri thức bản địa, sự phụ thuộc bất khả kháng của người dân vào hệ thống kinh tế bên ngoài... là hệ quả không mong đợi của việc hiện đại hóa nông nghiệp theo mô hình Cách mạng xanh và đã được một số nghiên cứu đề cập đến. Những hệ quả ấy, trên một số phương diện, là rất rõ nét đối với những người nông dân ở vùng tái định cư do họ bị tách khỏi môi trường sống quen thuộc. Câu chuyện của người dân vùng lòng hồ thủy điện tại một khu tái định cư ở Lai Châu là ví dụ đáng chú ý góp thêm vào bức tranh này.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Về cách tiếp cận, nghiên cứu này được thực hiện trên nguyên tắc chú trọng cái nhìn từ trong ra, từ dưới lên. hay nói cách khác là cái nhìn của người trong cuộc. Nguyên tắc nêu trên quan tâm đến câu trả lời của những người dân về việc vì sao họ làm cái điều họ đã làm. Nó sẽ

giúp người viết có cơ hội thấu hiểu những gì đang xảy ra liên quan đến vấn đề nghiên cứu từ sự nhìn nhận của bản thân những người được nghiên cứu. Nói cách khác, nghiên cứu này mong muốn giúp người dân cất lên tiếng nói của chính họ.

Là một nghiên cứu văn hóa học/nhân học, công trình này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, mà chủ yếu là phỏng vấn sâu - phương pháp đặc trưng và chủ đạo của ngành. Việc phỏng vấn diễn ra dưới hình thức bán cấu trúc. Ngoài ra, một số cuộc phỏng vấn dưới dạng phi cấu trúc đã được thực hiện - người viết tạo khoảng trống để thông tin viên tự xác định nội dung câu chuyện và nói lên những gì mà họ quan tâm nhất trong chủ đề được đề cập. Thời gian cho mỗi cuộc phỏng vấn đều được dự kiến trước, nhưng có sự linh hoạt để khai thác triệt để ưu thế của phương pháp. Các dữ liệu định tính là rất thích hợp để làm rõ những vấn đề nằm đằng sau hành vi của con người trong một chủ đề như chủ đề đang bàn, vì như ta biết, phỏng vấn định tính là phương pháp đặc biệt thích hợp để tìm hiểu những gì liên quan đến tình cảm, quan điểm, thái độ... của đối tượng (Bouma 2000). Người viết không ghi âm để các thông tin viên cảm thấy thoải mái, nhưng chú ý ghi chép vì như Bartol (1989) đã chỉ ra, người ta thường cảm thấy được đối xử như là những người có giá trị khi có một ai đó lắng nghe câu chuyện của họ. Việc phỏng vấn chéo diễn ra những khi cần thiết để kiểm tra thông tin. Bên cạnh đó, người viết cũng chú ý đến việc quan sát không gian sống của những đối tượng được phỏng vấn để cảm nhận rõ hơn về hoàn cảnh, thực trạng của họ.

Để đảm bảo nguyên tắc đạo đức, như nhấn mạnh của Seale (1999), người viết nói rõ mục đích nghiên cứu của mình với các thông tin viên. Người viết cũng đảm bảo với họ về việc giữ bí mật thông tin bằng cách hứa ẩn danh thông tin viên trong các công bố có liên quan.

4. Kết quả nghiên cứu

Vào giữa năm 2019, tôi đã thực hiện một số cuộc phỏng vấn sâu với các thành viên của một khu dân cư ở thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, Lai Châu - nơi tái định cư của người dân vùng lòng hồ thủy điện.

Người đầu tiên mà tôi tiếp cận là một người đàn ông luống tuổi. Ngôi nhà sàn rộng rãi của gia đình ông trông rất mới mẻ và thông thoáng. Sự thông thoáng này một phần đến từ việc đồ đạc trong nhà khá thưa thớt. Ông chủ nhà đã kể với tôi về hoàn cảnh của gia đình mình từ khi sống ở khu tái định cư. Ông cho biết, ngoài ngôi nhà, gia đình ông thiếu mọi thứ. Đất ruộng được đền bù của gia đình ông ngày một bị xói mòn vì độ dốc quá lớn, nhưng các thành viên chưa tìm được nghề nghiệp nào khác lâu dài nên vẫn phải trông chờ vào thu nhập từ nông nghiệp. “Hiện nay chúng tôi đang sống rất chật vật. Nếu có điều gì bất trắc xảy ra, chúng tôi sẽ bó tay, không sao trang trải được cuộc sống. Cứ tình hình này, chúng tôi không biết mọi việc sẽ ra sao nữa!”, ông nói. Người vợ của ông cũng chia sẻ cảm nhận đó: “Đúng rồi đấy, đất người ta chia cho xấu lắm! Sống chật vật lắm! Chẳng có tiền để làm cái gì hết!”. Trước khi tôi ra về, hai vợ chồng đều bày tỏ rằng họ rất mong muốn những gì họ nói với người phỏng vấn sẽ đến được các cấp lãnh đạo.

Người thứ hai mà tôi phỏng vấn là một phụ nữ ba con xấp xỉ 40 tuổi. Chị cũng có chung một tâm sự như đôi vợ chồng tôi vừa hỏi chuyện. Bên cạnh đó, chị còn phàn nàn về việc tiền hỗ trợ tái định cư thấp và việc người dân xin hỗ trợ thêm một năm nhưng không được chấp nhận.

Người tiếp theo là một người đàn ông có tuổi. Ông cho biết, từ cuối năm 2014 đến nay, người dân của khu dân cư mới an cư mà chưa lạc nghiệp. Khi mới về đây tái định cư, họ chỉ nhận được mỗi ngôi nhà chứ không có tư liệu sản xuất (cũng không có vườn hay chỗ chăn nuôi). Hai năm đầu, khi chưa có ruộng, họ được nhận trợ cấp nhưng cũng phải xoay sở làm việc nọ việc kia để có thêm chút thu nhập, ví dụ như buôn bán rau củ. Đến khi họ được cấp ruộng thì đó lại là ruộng đất dốc, xấu. Sau hai năm canh tác thì đất đó thoái hóa, không thể làm tiếp được nữa. “Cuộc họp nào chúng tôi cũng đề xuất, kiến nghị... Trên cũng xuống xem xét, có cả đoàn đại biểu quốc hội của tỉnh Lai Châu nữa, rồi nhà báo... nhưng hỏi ý kiến này nọ mà rồi chưa thấy đâu vào đâu cả... Ai được lợi trong việc làm thủy điện chúng tôi không biết, chứ dân chúng tôi thì khôn khổ đủ đường...”, ông nhấn mạnh. Đến khi cuộc phỏng vấn kết thúc và tôi bắt tay ông, ông nhắc đi nhắc lại rằng những gì ông kể ra mới chỉ là một phần chứ chưa phải là tất cả nỗi gian khó của người dân nơi này. “Mong lãnh đạo xem xét lại chính sách, cho chúng tôi được hưởng sự công bằng! Đoàn mình đã đến tận nơi, thấy tận mắt cuộc sống của chúng tôi rồi đấy!”, ông nói.

Người tiếp theo nữa mà tôi phỏng vấn cũng là một nam giới có tuổi. Ông so sánh hoàn cảnh của chính gia đình ông trước và sau ngày rời vùng lòng hồ thủy điện tới đây như sau: “Đất ở chỗ cũ rất tốt, canh tác thuận lợi, dễ dàng, chẳng bao giờ phải lo mất mùa... Chúng tôi lại có vườn, có chỗ để tăng gia... Nhưng đến đây, chúng tôi chẳng có gì cả ngoài một cái nhà trống không và mảnh ruộng xấu... Chính xác là vậy!”. Ông khẳng định không phải người dân không muốn ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhưng với tình trạng hiện nay, họ quá thiệt thòi: “Chúng tôi cũng biết rằng Đảng và Nhà nước làm thủy điện cũng là vì dân thôi nên chúng tôi rất tán thành, miễn sao ở đây chúng tôi sống được! Máu chột là điểm đó, chúng tôi cũng phải sống chứ!”.

Cũng với chủ đề tương tự, một trong những người cuối cùng tôi tiếp xúc - một nam giới ở tuổi trung niên - nói về những chuyện chưa vừa ý: “Tôi lấy ví dụ như cái chuyện nhà ở ấy, hứa cấp cho chúng tôi 400 m² mà cuối cùng chỉ cấp cho có 270 m²... Rồi chuyện đền bù hoa màu cho chúng tôi vào năm 2014 nhưng lại theo giá lương thực năm 2012 (gạo thường là 12.000 đồng còn gạo tám thơm là 14.500 đồng)... Mương thì làm rồi, nhưng chưa gì đã hỏng”. Ông khẳng định, những người dân ở khu vực lòng hồ thủy điện đã nhận được nhiều lời hứa hẹn khi ra đi, rằng họ ra đi là vì sự nghiệp điện khí hóa nên cứ yên tâm là sẽ được các lực lượng ban ngành giúp đỡ. Tuy nhiên, dù hiện tại ở trong cái nhà khang trang, họ không có được sự an toàn sinh kế. Thậm chí, ông cho biết thêm, họ cũng không có nước sạch để uống suốt hai tháng qua. Mặc dù họ có ý kiến nhiều lần trong các cuộc họp và những ý kiến này được ghi vào biên bản là sẽ được tiếp thu nhưng sau đó tình hình cũng không có gì thay đổi. Trong khi đó, những gì họ không thật sự cần thì lại được làm, ví dụ như việc xây tới hai cái nhà văn hóa... “Vậy khu dân cư ta có ý kiến ra sao?”, tôi hỏi. Im lặng một lát như thể đang xâu chuỗi sự việc lại, ông đáp rằng họ chẳng có cách nào khác là phải lên tiếng. Trước hết, họ đã trực tiếp có ý kiến với phó chủ tịch tỉnh. Vào năm 2016, khi trưởng đoàn và phó trưởng đoàn đại biểu quốc hội Lai Châu về đây tiếp xúc với dân, họ cũng có ý kiến. Họ làm điều này một cách bài bản, có cử cả người đại diện. Đó là một người cao tuổi, có hiểu biết, lại là chi

hội trưởng chi hội cựu chiến binh. “Ngoài ra, chúng tôi huy động tất cả các hội đoàn cùng lên tiếng: chi bộ đảng, chi bộ đoàn, chi hội phụ nữ, chi hội nông dân, chi hội người cao tuổi, chi hội cựu chiến binh... Cứ có cơ hội là chúng tôi lên tiếng. Mà dân khu chúng tôi đi đâu cũng nói về tình hình của mình, nói khắp nơi. Bản thân tôi cũng nói... Minh phải tạo ra dư luận như vậy thì những người có trách nhiệm mới quan tâm giải quyết!”, ông cho biết. Khi kết thúc cuộc phỏng vấn, ông nhắc đi nhắc lại rằng ông mong muốn tôi truyền đạt trọn vẹn những gì ông đã nói lên những người có trách nhiệm để người dân ở đây có niềm tin vào tương lai. Ông nhấn mạnh rằng người dân đã vì nhà máy thủy điện này mà chấp nhận ra đi thì cũng không nên để họ rơi vào thiệt thòi.

5. Thảo luận

Điện khí hóa nông thôn được xem là thành tựu to lớn của Nhà nước Việt Nam trong việc nâng cao đời sống nhân dân những thập niên gần đây, cả trong sự nhìn nhận của nó lẫn của thế giới. Với vùng dân tộc thiểu số, điện khí hóa còn là một thành tựu có ý nghĩa chính trị nổi bật, cái cho thấy sự quan tâm của nhà cầm quyền đối với bộ phận dân cư đặc biệt này (thiệt thòi, dễ bị tổn thương...) vì điện được đồng nghĩa với “văn minh”, “tiên bộ” và “sự phồn vinh”. Tuy nhiên, đằng sau đó, có những số phận không may mắn. Cộng đồng người Thái ở khu tái định cư mà tôi phỏng vấn ở một khu dân cư của thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, Lai Châu chính là một trong những ví dụ.

Khi rời vùng đất sẽ trở thành lòng hồ thủy điện ở huyện vùng biên Sin Hồ của tỉnh để trở thành thành viên của khu vực tái định cư, người dân ở khu dân cư nói trên của thị trấn tin tưởng rằng họ đang góp phần xây dựng một tương lai đầy triển vọng cho địa phương khi nay mai điện sẽ là sức bật cho sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Họ cũng tin tưởng rằng trong bức tranh tương lai đương nhiên có cả họ, vì chính quyền, truyền thông... luôn khẳng định điều đó. Theo các thông tin viên thì những lời nói rất thuyết phục. Họ không bao giờ có thể nghĩ rằng, là những người đầu tiên đóng góp cho sự hình thành nhà máy thủy điện ở nơi họ rời đi, họ cũng là những người gặp thiệt thòi đầu tiên của chính sự ra đời nhà máy đó. Cuộc sống của họ không còn được định đoạt bởi chính họ nữa sau khi họ bị bứt khỏi không gian sinh tồn quen thuộc. Với mảnh ruộng xấu đến mức phải ngừng canh tác sau hai vụ đầu tiên, với ngôi nhà không hề có mảnh vườn để tặng gia, và với việc nhận được rất nhiều lời hứa không thành hiện thực, họ thực sự bế tắc về sinh kế tại quê hương mới. Người ta bố trí cho họ nơi ở là đất bằng, trong khi bắt họ canh tác ở nơi đất dốc và xấu. Việc xây dựng để tưới tiêu cho mảnh đất dốc này được thực hiện với khoản tiền tốn kém, nhưng chẳng bao lâu ruộng hỏng và đất không còn có thể canh tác. Và tiếp theo là lời hứa sẽ trang bị máy xúc, máy ủi... - những thứ mà một số thông tin viên của tôi cho rằng khó có thể dùng cho những thửa ruộng đất dốc, lại manh mún. Những tri thức bản địa lâu đời về hệ sinh thái, về việc làm ruộng... của họ không hề được quan tâm. Giống như khá nhiều cộng đồng bản địa trên khắp thế giới, họ đã thực sự trở thành “nạn nhân của sự tiến bộ” (Bodley 2008), khi cuộc sống vốn tự chủ của họ bị tước đoạt rồi sau đó bị can thiệp một cách cứng nhắc bởi những người được xem là có quyền và có trách nhiệm làm việc đó.

Tiếng nói của những người dân tại khu vực tái định cư của thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu cần được quan tâm hơn trong việc tìm giải pháp cho sự phát triển sinh kế bền vững của họ, vì rõ ràng, không có gì liên quan đến người dân mà không nên có ý kiến của chính họ.

Từ câu chuyện nêu trên, bài học kinh nghiệm nào có thể được rút ra cho tỉnh Thanh Hóa?

Thanh Hóa là một tỉnh lớn của nước ta. Với diện tích 11.120,6 km² và dân số vào năm 2019 là 3.640.128 người, nó đứng thứ 5 về diện tích và thứ 3 về dân số (bao gồm nhiều sắc tộc như Kinh, Mường, Thái, Thổ...) trong số các đơn vị hành chính tỉnh trực thuộc nhà nước. Về mặt kinh tế, theo Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa, năm 2018, Thanh Hóa là đơn vị hành chính Việt Nam xếp thứ 8 về tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), đứng thứ 4 về tốc độ tăng trưởng GRDP. Số liệu cho thấy GRDP của tỉnh vào năm này đạt 146.242 tỉ đồng (tương ứng với 6,3510 tỉ USD), GRDP bình quân đầu người đạt 41,10 triệu đồng (tương đương 1.785 USD), tốc độ tăng trưởng đạt 15,16%. Đến năm 2021, GRDP của tỉnh tăng 8,85% so với năm 2020; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,58%; ngành công nghiệp, xây dựng tăng 15,66% (riêng công nghiệp tăng 17,65%); các ngành dịch vụ tăng 3,59%, còn GRDP bình quân đầu người đạt 58,1 triệu đồng (tương đương 2.471 USD). Với bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã và vẫn tiếp tục được đẩy mạnh (mà một biểu hiện là sự hiện diện của hàng loạt khu công nghiệp tập trung và phân tán như Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Lễ Môn, Đình Hương, Lam Sơn, Hoàng Long, FLC Hoàng Long...), Thanh Hóa đang ở trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ. Chẳng hạn, năm 2019, tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 10,9%, giảm 1,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 47,1%, tăng 1,7%; dịch vụ chiếm 33,2%, giảm 2,7%; thuế sản phẩm chiếm 8,8%, tăng 2,5% so với năm trước đó. Năm 2021, mặc dù Covid có ảnh hưởng đến các ngành dịch vụ, xu hướng chuyển dịch trên vẫn tiếp tục - khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 16,07%, giảm 1,16%; ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 46,64%, tăng 4,29%. Sự đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang bản tất yếu dẫn đến những vấn đề liên quan đến việc thu hồi đất cho các khu kinh tế, khu công nghiệp và việc phát triển sinh kế cho người dân bị thu hồi đất. Làm thế nào giải quyết tốt những vấn đề này để vừa đảm bảo thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vừa đảm bảo sự phát triển sinh kế bền vững cho người dân là câu hỏi đã và vẫn tiếp tục được đặt ra. Câu chuyện của người dân vùng lòng hồ thủy điện tại khu tái định cư ở Lai Châu kể trên có thể được xem như một bài học tham khảo cho Thanh Hóa. Để người dân có được sinh kế bền vững, cần quan tâm đến ý kiến của chủ thể trong các quyết định liên quan đến họ. Trong đó, các tri thức bản địa và các nguồn lực nội tại cần được chú trọng, vì chúng sẽ góp phần giúp người dân đạt được sự phát triển từ những gì họ có và họ mong muốn chứ không phải chỉ từ những gì họ nhận được. Điều này cũng sẽ khiến công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở một tỉnh lớn và quan trọng trên nhiều phương diện tại miền Trung như Thanh Hóa thực sự đạt được ý nghĩa nhân văn của nó, đó là đem lại một sự phát triển công bằng cho mọi người.

6. Kết luận

Việc chính sách của nhà nước Việt Nam trong phát triển kinh tế trên phương diện nông nghiệp chịu ảnh hưởng của cuộc Cách mạng xanh - vốn tuyệt đối hóa vai trò của khoa học và

công nghệ (với mục đích xây dựng các cơ sở sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa) - đã đem lại một số chuyển biến có ý nghĩa, nhưng bên cạnh đó cũng gây ra nhiều hệ quả tiêu cực đối với sinh kế của người dân, mà trường hợp những người dân vùng lòng hồ thủy điện tại một khu tái định cư ở Lai Châu là một dẫn chứng. Tiếng nói của họ về vấn đề đang bàn cần được quan tâm hơn nữa. Điều này cũng gợi ra những tham khảo cho các địa phương khác, trong đó có Thanh Hóa. Chỉ khi người dân ở các khu vực bị thu hồi đất có một sinh kế bền vững, kinh tế - văn hóa - xã hội mới có thể ổn định và đi lên.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bartol, M. (1989), *Story in Nursing Practice*. Nursing and Health Care, 10.10: 564 - 565.
- [2]. Bodley, J.H. (2008), *Victims of Progress*. Lanham: AltaMira Press.
- [3]. Bouma, G.D. (2000), *The Research Process*. Oxford: Oxford University Press.
- [4]. Bonnin, C. (2011), *Markets in the Mountains: Upland Trade-Scapes, Trader Livelihoods, and State Development Agendas in Northern, Vietnam*. Dissertation. Montreal: McGill University.
- [5]. Bùi Văn Đạo (2020), *Góp phần nghiên cứu phát triển bền vững các dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Trường Sơn, Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- [6]. Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa, *Tình hình kinh tế, xã hội tỉnh Thanh Hóa quý IV và năm 2018*. Truy cập ngày 12/9/2022 tại <http://ctk.thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2018-12-28/Tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-tinh-Thanh-Hoa-Quy-IV-vaw2mbnr.aspx>.
- [7]. Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa, *Tình hình kinh tế, xã hội năm 2021*. Truy cập ngày 9/1/2022 tại <http://ctk.thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2021-12-29/Tinh-hinh-kinh-te--xa-hoi-nam-2021ntloq5.aspx>.
- [8]. Donovan et al. (eds.) (1997), *Development Trends in Vietnam's Northern Mountain Region*. Vol.1. *An Overview and Analysis*. Hanoi: National Political Publishing House.
- [9]. Escobar, A. (1995), *Encountering Development: The Making and Unmaking of the Third World*. Princeton: Princeton University Press.
- [10]. Geertz, C. (1963), *Agricultural Involution: The Process of Ecological Change in Indonesia*. Berkeley: University of California Press.
- [11]. Gupta, A. (1998), *Postcolonial Developments: Agriculture in the Making of Modern India*. Durham: Duke University Press.
- [12]. Hardy, A. (2003). *Red Hills: Migrations and the State in the Highlands of Vietnam*. Copenhagen: Nordic Institute of Asian Studies.
- [13]. Hoàng Cầm, Phạm Quỳnh Phương (2012), *Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi văn hóa - sinh kế tộc người*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- [14]. Hoàng Cầm, Nguyễn Thị Phương Châm (2013), “*Một con cá rơi vào giỏ cua*”: *Thách thức và chiến lược mưu sinh của dân di cư tự phát ở Tây Nguyên*, Văn hóa Dân gian, 6: 19 - 30.

[15]. Lâm Minh Châu (2022). *Từ khả năng sản xuất đến tiềm năng tiêu thụ: Mở rộng cách tiếp cận về phát triển sinh kế bền vững cho các tộc người ở Việt Nam hiện nay*, Dân tộc học, 2: 61 - 71.

[16]. Le, D.H. (1995). "Some Issues of Fixed Cultivation and Sedentarization of Ethnic Minority People in Mountainous Areas of Vietnam." in Terry Rambo, Robert R. Reed, Trong Cuc Le and Michael DiGregorio (eds.). *The Challenges Of Highland Development in Vietnam*. Honolulu West: West Center, Program for Environment.

[17]. Le, T.C., Rambo, T. (eds.) (2001). *Bright Peaks, Dark Valleys - A Comparative Analysis of Environmental and Social Conditions and Development Trends in the Five Communities in Vietnam's Northern Mountain Region*. Hanoi: National Political Publishing House.

[18]. Lê Ngọc Thanh, Lê Văn Hương (2016), "Biến động dân số và xung đột môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên đất, rừng Tây Nguyên." trong Nhiều tác giả. *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9*. Quyển 2. Hà Nội: NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

[19]. Peluso, N.L. (1992), *Rich Forests, Poor People: Resource Control and Resistance in Java*. Berkley: University of California Press.

[20]. Scott, J.C. (1976), *The Moral Economy of the Peasant: Rebellion and Subsistence in Southeast Asia*. New Haven & London: Yale University Press.

[21]. Seale, C. (1999), *Quality in Qualitative Research*. *Qualitative Inquiry*, 5.4: 465 - 478. DOI:10.1177/107780049900500402.

[22]. Sikor, T., Hoang, C. (2016), *REDD+ on the Rocks? Conflict Over Forest and Politics of Justice in Vietnam*. *Human Ecology*, 44 (2): 217 - 227. DOI:10.1007/s10745-016-9821-1.

[23]. Trương Huyền Chi (2010), "Họ nói đồng bào không biết quý sự học", những mâu thuẫn trong giáo dục ở vùng đa dân tộc, Tây Nguyên Việt Nam", trong Nhiều tác giả. *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*. Quyển 2. Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, trang 361 - 368.

SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN VÙNG LÒNG HỒ THỦY ĐIỆN TẠI MỘT KHU TÁI ĐỊNH CƯ Ở LAI CHÂU VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM RÚT RA CHO TỈNH THANH HÓA

Lê Thị Thùy Ly

Viện Nghiên cứu Văn hóa (Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam)

Email: lethithuyly@gmail.com

Ngày nhận bài: 08/8/2022

Ngày phản biện: 15/9/2022

Ngày tác giả sửa: 26/9/2022

Ngày duyệt đăng: 25/10/2022

Ngày phát hành: 30/10/2022

Chính sách của nhà nước Việt Nam trong phát triển kinh tế trên phương diện nông nghiệp chịu ảnh hưởng của cuộc Cách mạng xanh, vốn tuyệt đối hóa vai trò của khoa học và công nghệ (với mục đích xây dựng các cơ sở sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa). Việc phát triển nông nghiệp theo hướng trên đã đem lại một số chuyển biến có ý nghĩa, nhưng bên cạnh đó cũng gây ra những hệ quả tiêu cực nhất định đối với sinh kế của người dân. Những hệ quả này, trên một số khía cạnh, là rất rõ nét đối với người nông dân ở vùng tái định cư khi họ bị tách khỏi môi trường sống quen thuộc, mà trường hợp những người dân - từng sống ở vùng lòng hồ thủy điện - tại một khu tái định cư ở Lai Châu là ví dụ. Bài viết này nhấn mạnh rằng tiếng nói của người dân về vấn đề đang bàn cần được quan tâm hơn nữa. Các tri thức bản địa và các nguồn lực nội tại của họ cần được chú trọng, vì chúng sẽ góp phần giúp người dân đạt được sự phát triển từ những gì họ có và họ mong muốn chứ không phải chỉ từ những gì họ nhận được. Điều này cũng gợi ra những tham khảo cho các địa phương khác, trong đó có Thanh Hóa.

Từ khóa: Hiện đại hóa; Sinh kế bền vững; Tái định cư.